

Số: 12 /QĐ-SVHTTDL

Phú Thọ, ngày 19 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HOÁ THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

Xét đề nghị của Văn phòng sở (Bộ phận Kế hoạch – Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

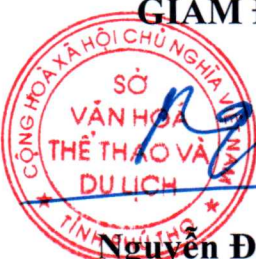
Điều 1. Công bố công khai chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và số liệu dự toán thu chi ngân sách được giao năm 2022 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Phú Thọ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc và các Phó Giám đốc, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thực hiện quyết định này. /*re*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở (C/đ);
- Lưu VT, VP(KHTC).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thuỷ
Nguyễn Đức Thuỷ

BIỂU SỐ 01**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 12./QĐ-SVHTTDL, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công khai các chỉ tiêu kế hoạch và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
A	CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP			
I	Du lịch			
1	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	2.500	
3	Tổng lượt khách du lịch lưu trú	Ng.lượt	650	
	Trong đó: Khách quốc tế	Ng.lượt	6,5	
4	Số ngày khách	Ngày	700.000	
	Trong đó: Khách quốc tế	Ngày	10.000	
5	Tổng số buồng phòng	Buồng	4.700	
6	Số ngày lưu khách	Ngày	1,1	
7	Công suất sử dụng phòng	%	48	
II	Văn hóa – Gia đình			
1	Số khu dân cư, khu phố đạt danh hiệu văn hóa	Khu	2.035	
2	Tỷ lệ khu dân cư đạt chuẩn văn hóa	%	87,5	
3	số gia đình công nhận gia đình văn hóa		356.317	
4	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	%	88,6	
5	Tỷ lệ xã phường có nhà văn hóa/hội trường/trung tâm học tập cộng đồng	%	100	
6	Số buổi tuyên truyền lưu động	Buổi	120	
7	Số buổi chiếu bóng phục vụ miền núi	Buổi	1.274	
	Trong đó: - Huyện Đoan Hùng	-	136	
	- Huyện Hạ Hòa	-	120	
	- Huyện Thanh Ba	-	90	
	- Huyện Cẩm Khê	-	144	

	- Huyện Phù Ninh	-	96	
	- Huyện Tam Nông	-	72	
	- Huyện Thanh Thủy	-	50	
	- Huyện Yên Lập	-	180	
	- Huyện Thanh Sơn	-	212	
	- Huyện Tân Sơn	-	174	
8	Chiều phim phục vụ các nhiệm vụ chính trị và thiếu nhi	Buổi	120	
9	Số buổi văn công phục vụ miền núi	Buổi	120	
10	Xây dựng tiết mục mới	Tiết mục	2	
III	Thể Thao			
1	Vận động viên cấp cao	VĐV	30-35	
2	Số câu lạc bộ thể thao	CLB	2032	
3	Thành tích (giải Quốc gia trở lên)		65-80	
-	HCV	Chiếc	15-21	
4	Đào tạo vận động viên 11 môn mũi nhọn (Bóng đá, Pencak Silat, Bắn cung, Wushu, Đá cầu, Vật, Bơi lội, Điền Kinh, Cầu lông, Quần vợt và Bóng bàn)	VĐV	220	
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			
I	Vốn ngân sách Trung ương		80.000	
1	Bảo tàng Hùng Vương	Triệu đồng	30.000	
2	Nhà Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Phú Thọ	Triệu đồng	50.000	
II	Vốn đầu tư XDCB tập trung		2.400	
1	Cải tạo, nâng cấp Bảo Tàng Hùng Vương và Thư viện tỉnh Phú Thọ	Triệu đồng	1.000	
2	Hệ thống sân tập và hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ	Triệu đồng	1.400	

BIỂU SỐ 02**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SVHTTDL, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công khai các chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022)

A. Thu ngân sách:

Chỉ tiêu Thu lệ phí hoạt động VHTTDL năm 2022: 106, trđ

B. Chi ngân sách

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ghi chú
A	CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ		
B	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (LOẠI 340 KHOẢN 341)		
I	Kinh phí chi thường xuyên	<u>7.970.000.000</u>	
1	Chi định mức cho biên chế (Tiền lương, BHXH, xăng dầu, điện thoại, điện, nước, công tác phí, tiếp khách...)	7.579.000.000	
2	Chi định mức biên chế hợp đồng, hợp đồng 68 (Kinh phí đảm bảo hoạt động của hợp đồng các công việc theo quy định)	391.000.000	
II	Kinh phí không thường xuyên	<u>861.000.000</u>	
1	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành (theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg, trang phục thanh tra)	100.000.000	
2	Chi nghiệp vụ ngành (Bao gồm kinh phí duy trì trang thông tin điện tử...)	311.000.000	
3	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công & mua sắm thường xuyên tài sản phục vụ công tác	450.000.000	
C	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH (LOẠI 160 KHOẢN 161)	<u>4.320.000.000</u>	
I	Lĩnh vực Văn hóa – Gia đình	3.240.000.000	
1	Nghiệp vụ văn hoá thông tin	1.800.000.000	
2	Chi nghiệp vụ công tác gia đình và ban chỉ đạo công tác gia đình	540.000.000	

2	Kinh phí cho văn phòng thường trực ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (trong đó chỉ cho BCD 200 triệu)	450.000.000	
4	Kế hoạch thực hiện chương trình hành động quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	270.000.000	
5	Kinh phí kiểm kê di sản Mo Mường	180.000.000	
II	Lĩnh vực Du lịch	1.080.000.000	
1	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của ban chỉ đạo Phát triển du lịch)	1.080.000.000	
III	Lĩnh vực Thể thao	2.250.000.000	
1	Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao	810.000.000	
2	Chi tổ chức các giải thể thao, giải thể thao cấp tỉnh	1.440.000.000	
D	CHI HOẠT ĐỘNG ĐOÀN NGHỆ THUẬT:	<u>10.289.000.000</u>	
I	Kinh phí tự chủ	6.739.000.000	
II	Kinh phí không tự chủ	3.550.000.000	
3	Xây dựng tiết mục mới	1.530.000.000	
4	Bồi dưỡng luyện tập	850.000.000	
5	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị (đã bao gồm múa rối nước)	720.000.000	
6	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Xoan và di sản khác	180.000.000	
7	Chi hỗ trợ hoạt động phục vụ công tác tập luyện khác	270.000.000	